

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07/8/2017
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2017, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 08/02/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐM, huyện K. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Chị T và anh L không còn sống chung từ tháng 8 năm 2015 đến nay, xét mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L có 02 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 13/9/2007 và Trần Huy C, sinh ngày 29/4/2013. Chị T có nguyện vọng muốn được nuôi các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Anh Trần Văn L thừa nhận, anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐM, huyện K. Sau khi kết hôn anh L và chị T chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có sự hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cãi nhau và vài lần anh L có dùng tay tát vào mặt chị T. Anh L và chị T không còn sống chung từ tháng 8 năm 2015 đến nay. Tuy nhiên anh L không đồng ý ly hôn và muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh Trần Văn L thừa nhận, anh và chị T có 02 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 13/9/2007 và Trần Huy C, sinh ngày 29/4/2013. Anh L có nguyện vọng muốn nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị đơn là anh Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

*Về nội dung:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đắc Mâm, huyện Krông Nô theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L, xét yêu cầu của chị T là có căn cứ để chấp nhận, vì mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh L là có thật do không có sự hòa hợp và bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến cãi nhau. Qua xác minh cũng xác định được trong quá trình chung sống giữa chị T và anh L cũng thường xảy ra mâu thuẫn, mặc dù chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Mặt khác chị T và anh L không còn sống chung từ tháng 8 năm 2015 đến nay cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh L không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Trần Văn L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Trần Quốc Huy, sinh ngày 13/9/2007 và Trần Huy Chương, sinh ngày 29/4/2013, chị T và anh L cùng có nguyện vọng muốn nuôi con. Sau khi không còn sống chung thì các con chung sống cùng chị T cho đến nay và con chung Trần Quốc Huy cũng có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ, anh L hiện nay cũng không còn ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng giao con cho chị T chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền thăm nom con chung sau ly hôn: Anh Trần Văn L có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Giao con Trần Quốc H, sinh ngày 13/9/2007 và Trần Huy C, sinh ngày 29/4/2013 cho chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn L có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003437, ngày 08 tháng 02 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện K (02 bản);
- Chi cục THADS H. K;
- UBND TT ĐM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)**

Quách Trọng Sơn